

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất; nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt- Da Liễu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Mua sắm thiết bị y tế (hoá chất, vật tư y tế, thủy tinh thể nhân tạo...) năm 2026- 2028, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt - Da Liễu
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Lê Kiều Diễm
 - Chức vụ: Trưởng khoa Dược- VT- TTBYT
 - Số điện thoại: 0915997666
 - Địa chỉ: Khoa Dược- VT- TTBYT, Bệnh viện Mắt - Da Liễu; số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Hòa Thành, Tỉnh Cà Mau.
- Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp; Email/Zalo; Nhận báo giá trên hệ thống.

Nhà thầu có thể gửi qua đơn vị chuyển phát hoặc gửi trực tiếp tại Khoa Dược- VT- TTBYT; Bệnh viện Mắt - Da Liễu;

Địa chỉ: số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường Hòa Thành, Tỉnh Cà Mau; gồm **02 bản chính**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 14 giờ ngày 02/10/2026 đến trước 16 giờ ngày 16/10/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực tối thiểu của báo giá:

Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 16/10/2026

6. Thông báo Yêu cầu báo giá được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia và trang thông tin điện tử của Bệnh viện Mắt- Da Liễu (benhvienmatdalieucamau.com)

II. Nội dung của yêu cầu báo giá:

- Danh mục báo giá thiết bị y tế:

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính
1	Nước ngâm dụng cụ	Dung dịch đậm đặc chứa hỗn hợp 5 loại enzyme (Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase), dùng để làm sạch dụng cụ y tế trước khi khử khuẩn hoặc tiệt trùng; pH trung tính. Xuất xứ G7/Châu Âu.	10	Can 5l
2	Bàn chải phẫu thuật	Chất liệu nhựa PP và sợi nylon; không làm xước da; có thể hấp tiệt trùng; kích thước khoảng 4x10cm. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	400	Cái
3	Băng cá nhân	Chất liệu vải sợi đàn hồi Viscose và polyamide không thấm nước, màu da, trọng lượng $97 \pm 7\text{g/m}^2$; Keo oxide kẽm không dùng dung môi. Lớp thấm hút sợi Viscose, khả năng thấm hút > 500%. Lớp chống dính Polyethylene. Kích thước 20mm x 60mm. Tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	70.000	Miếng
4	Băng cuộn y tế	Chất liệu sợi cotton 100%, không sử dụng chất nhuộm màu, không mùi vị, không lẫn tạp chất, kích thước khoảng 0,09 x 2m. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.000	Cuộn
5	Băng dính trong suốt kích thước 6x7cm ($\pm 5\%$)	Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. Có viền giấy bo tròn tráng Silicon, nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Kháng vi khuẩn/virus với đường kính >27nm (HIV-1, HBV) (có nghiên cứu chứng minh), quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da. Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA. Xuất xứ G7/Châu Âu.	20.000	Miếng
6	Băng keo chỉ thị nhiệt	Lớp keo có độ dính cao, các vạch chỉ thị chuyển màu từ Vàng sang Đen. Chuyển màu rõ rệt và chính xác. Kích thước khoảng 19mm x 50m. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	40	Cuộn
7	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Chất liệu vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate; Nguyên liệu xuất xứ G7 (có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT). Keo oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính khoảng 1,8-5,5 N/cm, trọng lượng 50-60 g/m ² . Kích thước 2,5cm x 5m; Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương, tối thiểu 02 CFS. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	600	Cuộn
8	Băng keo lụa 5cm x 5m	Chất liệu vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate; Nguyên liệu xuất xứ G7 (có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT). Keo oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính khoảng 1,8-5,5 N/cm, trọng lượng 50-60 g/m ² . Kích thước 5cm x 5m; Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương, tối thiểu 02 CFS. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	600	Cuộn
9	Bộ huyết áp điện tử người lớn	Máy đo huyết áp bắp tay; Dải đo huyết áp: khoảng 20- 280 mmHg ($\pm 3\text{mmHg}$); Nhịp tim: khoảng 40 - 200 nhịp/phút ($\pm 5\%$). Tiêu chuẩn EU, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	30	Bộ
10	Bộ máy đo huyết áp cơ người lớn	Máy đo huyết áp cơ kèm ống nghe; Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn, không lệch điểm 0. Vạch chia khoảng từ 20 - 300 mmHg ($\pm 3\text{mmHg}$); ống nghe có khả năng khuếch đại âm thanh. Tiêu chuẩn EU, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	30	Bộ
11	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 10ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khía bề gầy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O; vô trùng, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	17.000	Ống

12	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc, kim các cỡ	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 1ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O; vô trùng, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30.000	Ông
13	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml/cc, kim các cỡ	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 3ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O; vô trùng, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	20.000	Ông
14	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml, kim các cỡ	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 5ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Khử trùng bằng khí E.O; vô trùng, không độc, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	70.000	Ông
15	Bông y tế thấm nước	Chất liệu 100% bông xơ tự nhiên đã xử lý vô trùng, có khả năng hút nước và dịch tiết nhanh. Không có độc tố, không gây dị ứng. Tiêu chuẩn ISO, GMP hoặc tương đương; Đóng gói 1kg. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	100	Kg
16	Chỉ phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 7/0	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu, đơn sợi; chất liệu Polyamide, số 7/0, kim tam giác, dài khoảng 75cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, USP hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	100	Tép
17	Chỉ phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 10/0	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu, đơn sợi; chất liệu Polyamide, số 10/0, kim hình thang, dài khoảng 30cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, USP hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	6.000	Tép
18	Chỉ phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 5/0	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu, đơn sợi; chất liệu Polyamide, số 5/0, kim tam giác, dài khoảng 75cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, USP hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	3.000	Tép
19	Cồn 70 độ	Thành phần chính ethanol 70%, dùng sát trùng dụng cụ, sát trùng da trước khi tiêm, sát trùng vết thương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.500	Lít
20	Cồn 90 độ	Thành phần chính ethanol 90%, dùng sát trùng dụng cụ, sát trùng da trước khi tiêm, sát trùng vết thương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.000	Lít
21	Cuvette máy sinh hoá tự động BS-240	Cuvette phản ứng dùng cho máy sinh hoá tự động Mindray BS-240, tái sử dụng, ví 8 cái; Tiêu chuẩn CE/ ISO13485. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	32	Vĩ
22	Dầu soi kính hiển vi	Dầu chuyên dụng cho kính hiển vi, trong suốt, chỉ số khúc xạ khoảng 1.5; đóng gói chai 10ml. Xuất xứ G7/Châu Âu.	20	Chai 10ml
23	Dây Garo	Chất liệu thun cotton, có gai dán. Kích thước khoảng 28-30cm. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	300	Sợi
24	Dây thở Oxy hai nhánh các cỡ	Chất liệu nhựa y tế PVC an toàn, không gây các hiệu ứng phụ khi tiếp xúc. Bề mặt mềm mại, trơn láng; chiều dài khoảng 2m. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	100	Sợi
25	Dây truyền dịch	Dùng 1 lần, vô trùng, không độc tố, không gây sốt, không DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	6.000	Bộ
26	Đồng hồ Oxy y tế	Bộ đồng hồ đo áp suất oxy bao gồm cột đo lưu lượng và bình tạo âm; chất liệu kim loại chống gỉ; Áp lực đầu vào khoảng 15 Mpa; Áp lực đầu ra khoảng 0.2- 0.3 Mpa. Lưu lượng khí oxy 1- 15 L/phút. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	20	Bộ
27	Dung dịch Formol trung tính 10%	Formalin đậm trung tính 10% NBF sử dụng trong phòng thí nghiệm và chuẩn đoán in- vitro. Dung dịch dạng lỏng, trong, không màu, có mùi đặc trưng của Formaldehyde, tan hoàn toàn	400	Chai 500ml

		trong nước, PH khoảng 6,8-7,2. Chai 500ml. Xuất xứ G7/Châu Âu.		
28	Dung dịch KOH 20%, chai 500ml	Dung dịch KOH 20% (Potassium Hydroxide 20%). Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	500	ml
29	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); có hệ dưỡng ẩm, chất hoạt động bề mặt, chất điều chỉnh pH... Tiêu chuẩn ISO, EN hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	200	Lít
30	Dung dịch khử khuẩn không khí và bề mặt TTBYT Hydrogen Peroxide 5% phức hợp 50ppm muối bạc, nước tinh khiết (S-99)	Thành phần: Hydrogen Peroxide 5% (w/w) muối bạc, nước tinh khiết. Sử dụng được với máy phun sương khô siêu hạt 99SMP, mức tiêu thụ dung dịch 2-3ml/1m3 không khí. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	60	Can 5l
31	Đèn cồn thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, có sẵn tim đèn và nắp chụp chịu nhiệt; thể tích 250ml. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30	Cây
32	Gạc y tế vô trùng 12 lớp	Chất liệu sợi cotton 100%, đã tiệt trùng; kích thước 5 x 6.5cm x 12 lớp. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	200.000	Miếng
33	Gạc y tế vô trùng 6 lớp	Chất liệu sợi cotton 100%, đã tiệt trùng; kích thước 10 x 10cm x 6 lớp. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	24.000	Miếng
34	Găng tay phẫu thuật có bột các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên; chiều dài khoảng 280mm, có bột. Tiệt trùng bằng E.O, sử dụng 1 lần. Hộp 50 đôi. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30.000	Đôi
35	Găng tay y tế có bột các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên; chiều dài khoảng 240mm, có bột, sử dụng 1 lần. Hộp 50 đôi. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	100.000	Đôi
36	Gel siêu âm, điện tim	Gel dạng sệt, trong suốt, từ không màu đến vàng nhạt, không chứa dầu, không chứa muối và Formandehyde. Không gây kích ứng da, không ăn mòn điện cực, đầu dò. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30	Lít
37	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp, chất liệu vải không dệt chống thấm nước. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	28.000	Cái
38	Kim lấy máu thân dẹp (Lancet)	Chất liệu thép không gỉ, đầu mũi kim được vát nhọn. Tiệt trùng từng cây. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	300	Hộp 200 cái
39	Kim lấy máu thử đường huyết (dạng đầu xoay)	Chất liệu thép không gỉ, vô trùng; đầu kim vát ba cạnh, thân bằng nhựa, thích hợp các loại bút lấy máu, cỡ 28-30G. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	500	Cái
40	Lamen kính hiển vi các cỡ	Chất liệu bằng thủy tinh, trong suốt; nhiều kích cỡ, độ dày khoảng 0,13-0,2mm. Đóng gói hộp 100 cái. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	100	Hộp 100 cái

41	Lưỡi dao mổ số 11	Chất liệu thép không gỉ. Thiết kế cân đối, sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện, tương thích với cán dao bằng tay. Lưỡi dao số 11; Chiều cao lưỡi khoảng 5.3-6.2mm; độ dài vác vác khoảng 19-19.5 mm, độ dài lưỡi 39-41.5mm. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ các nước G7.	8.000	Lưỡi
42	Lưỡi dao mổ số 15	Chất liệu thép không gỉ. Thiết kế cân đối, sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện, tương thích với cán dao bằng tay. Lưỡi dao số 15; Chiều cao lưỡi khoảng 2.8-4.0mm; độ dài vác cong khoảng 9.0-11.5, độ dài lưỡi khoảng 35-37.5mm. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ các nước G7.	5.000	Lưỡi
43	Máy đo SpO2	Máy đo nồng độ bão hoà oxy trong máu và nhịp tim, dạng kẹp đầu ngón tay. Thông số SpO2: 70-100% ($\pm 2\%$), nhịp tim: 30-250bpm (± 2 bpm). Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	40	Cái
44	Mũ phẫu thuật	Mũ phẫu thuật dùng cho bệnh nhân; chất liệu vải mỏng hoặc vải không dệt, dùng một lần; đã tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30.000	Cái
45	Ống nghiệm EDTA	Chất liệu nhựa PP, kích thước khoảng 12x75mm, không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm. Sử dụng chất kháng đông EDTA. Tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	50.000	Ống
46	Ống nghiệm Heparin	Chất liệu nhựa PP, kích thước khoảng 12x75mm, không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm. Sử dụng chất kháng đông heparin. Tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	50.000	Ống
47	Ống nghiệm trắng có nắp 5ml	Chất liệu nhựa PS hoặc PP trong suốt, có nắp; kích thước khoảng 12x75mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	20.000	Ống
48	Ống nghiệm trắng có nắp 7.5ml	Chất liệu nhựa PS hoặc PP trong suốt, có nắp; kích thước khoảng 13x100mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	30.000	Ống
49	Que lấy bệnh phẩm nữ tiệt trùng từng ống, trong vỉ giấy	Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm, tiệt trùng. Disposable Swab stick dài 16cm. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.500	Que
50	Que gòn lấy mẫu xét nghiệm, tiệt trùng trong ống (Nam)	Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm, tiệt trùng. Sterile Swab stick (12*85mm). Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.500	Que
51	Cốc đựng mẫu (sample cup) 2ml	Chất liệu nhựa PS, trong suốt, dung tích 2ml; thích hợp dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.000	Cái
52	Test kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước (1250)	Chất liệu giấy và hóa chất hấp thụ nhiệt nhạy cảm với hơi nước. Kích thước khoảng 1,5cm x 20cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	18.000	Test
53	Lưỡi dao số 21	Chất liệu thép không gỉ. Thiết kế cân đối, sắc bén; Lưỡi dao số 21, tương thích cán dao số 4. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Xuất xứ G7/Châu Âu.	200	Hộp 100 cái
54	Lam kính nhám	Chất liệu bằng thủy tinh, mài mờ; Kích thước khoảng 76x26mm, độ dày khoảng 1mm. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	100	Hộp 72 cái
55	Lọ đựng nước tiểu nắp đỏ, có nhãn	Chất liệu nhựa PS trong suốt, nắp màu đỏ, có nhãn, dung tích 55ml; dùng chứa mẫu nước tiểu, bệnh phẩm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	2.500	Lọ

56	Kim rút thuốc 18G	Chất liệu thép không gỉ, không bị cong; đầu kim sắc nhọn, không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Tiệt trùng bằng khí EO; Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	2.000	Cái
57	Đầu col vàng	Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho y tế thích hợp với các loại Micropipete. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	10.000	Cái
58	Đầu col xanh	Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho y tế thích hợp với các loại Micropipete. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	10.000	Cái
59	Ống ly tâm Eppendorf 2ml	Chất liệu nhựa PP có độ trong suốt cao, có nắp đậy, chịu được ăn mòn hóa học. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.000	Ống
60	Pipet tự động 1 kênh các cỡ	Micropipet 1 kênh; thiết lập thể tích hút nhanh chóng, có khóa an toàn, phù hợp với nhiều loại đầu cone. Dải thể tích 5-50mcl, 10-100mcl, 20-200mcl, 100-1000mcl. Xuất xứ G7/Châu Âu.	10	Cái
61	Pipet nhựa có vạch	Pipet pasteur chất liệu nhựa dẻo trong suốt, có chia vạch, dung tích 1ml. Xuất xứ Châu Á/Việt Nam.	1.000	Cái
62	Bộ nhuộm gam	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
63	Test HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	2.000	Test
64	Test Syphilis	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA). Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5%. Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	2.000	Test
65	Test xét nghiệm nước tiểu	Xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu: Máu, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone, Protein, Nitrite, Glucose, pH, Tỷ trọng nước tiểu, Bạch Cầu. Chứng nhận CE, ISO hoặc tương đương. Tương thích máy xét nghiệm nước tiểu Urometer 720, Hãng SX: Abbott Diagnostics Korea. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	50.000	Test
66	Test Nội kiểm nước tiểu mức 1	Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. 13 thông số tổng phân tích Nước tiểu: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, HCG, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC. Xuất xứ Châu Âu.	288	ml
67	Test Nội kiểm nước tiểu mức 2	Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. 13 thông số tổng phân tích Nước tiểu: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, hCG, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC. Xuất xứ Châu Âu.	288	ml
68	Glucose	Xét nghiệm đường huyết. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	20.000	ml
69	ALT/GPT	Xét nghiệm chức năng gan. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
70	AST/GOT	Xét nghiệm chức năng gan. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
71	Urea	Xét nghiệm chức năng thận. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
72	Acid Uric	Xét nghiệm bệnh Gout. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	720	ml
73	Creatinin	Xét nghiệm chức năng thận. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
74	GGT (gama GGT)	Xét nghiệm chức năng gan. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	10.000	ml
75	Cholesterol	Xét nghiệm bệnh tăng Lipid máu, gan nhiễm mỡ. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	720	ml

76	Triglyceride	Xét nghiệm bệnh tăng Lipid máu, gan nhiễm mỡ. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	720	ml
77	Hóa Chất Nội Kiểm Sinh Hóa (mức 2)	Chất kiểm tra định lượng mức bình thường cho các xét nghiệm thường quy. Đóng gói 4x5ml. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	30	Lọ
78	Hóa Chất Nội Kiểm Sinh Hóa (mức 3)	Chất kiểm tra định lượng mức cao cho các xét nghiệm thường quy. Đóng gói 4x5ml. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	30	Lọ
79	Hóa chất Calibration sinh hóa	Chất hiệu chuẩn chung cho các xét nghiệm thường quy với mức 1. Thành phần đóng gói: 1x5ml. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	24	Lọ
80	Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động tính kèm	Dung dịch rửa công dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide ≤ 60 g/l, Diethylene Glycol ≤ 4.6 g/l, Proteolytic Enzyme ≤ 6.9 g/l, Preservative. Xuất xứ Châu Âu/Châu Á.	30	Lít
81	Dung dịch pha loãng (HH Diluent)	Hóa chất pha loãng dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BH-3000T, Hãng SX: Urit Medical Electronic- Trung Quốc	1.500	Lít
82	Dung dịch ly giải phá hồng cầu (HH Lyse)	Hóa chất ly giải tế bào dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BH-3000T, Hãng SX: Urit Medical Electronic- Trung Quốc	20	Lít
83	Dung dịch rửa máy huyết học	Hóa chất rửa máy huyết học dạng lỏng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BH-3000T, Hãng SX: Urit Medical Electronic- Trung Quốc	2.000	ml
84	Hóa chất Nội kiểm huyết học	Máu chuẩn cho máy huyết học 3 thành phần. Dùng để QC máy xét nghiệm huyết học BH-3000T, Hãng SX: Urit Medical Electronic- Trung Quốc	225	ml
85	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo	Hàm lượng: 2%. Dung tích: 2ml/xilanh. Thành phần: Hydroxypropyl methyl cellulose (HPMC). Xuất xứ G7/Châu Âu.	20.000	Ống 2ml
86	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt	Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật nhãn khoa nồng độ 0,06%. Thành phần: Trypan Blue 0,6 mg/ml. Xuất xứ G7/Châu Âu.	7.000	Lọ 1ml
87	Dao phẫu thuật Phaco 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không gỉ. Dao thẳng, góc 15 độ, dày ≤ 0.14 mm, hai mặt vát. Vạch đánh dấu đầu lưỡi dao 1.0mm và 1.2mm. Công nghệ chống chói mặt trên lưỡi dao với tỉ lệ phản quang $\leq 6,5\%$ Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Xuất xứ G7/Châu Âu.	4.000	Cái
88	Dao phẫu thuật nhãn khoa 45 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không gỉ, Kích thước lưỡi dao ngang: 2.2mm tới 2.8mm, dày ≤ 0.14 mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ. Vạch đánh dấu đầu lưỡi dao 1.5mm và 2.0mm. Công nghệ chống chói mặt trên lưỡi dao với tỉ lệ phản quang $\leq 6,5\%$. Tay cầm PBT, hộp nhựa chịu nhiệt cao. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Xuất xứ G7/Châu Âu.	3.000	Cái
89	Kéo giác mạc	Chất liệu bằng thép không gỉ; lưỡi cong nhẹ, đầu tù; Chiều dài lưỡi 13mm, khoảng cách từ trục xoay đến đầu mũi 21mm, kích thước vết cắt 6.5mm. Xuất xứ các nước G7.	20	Cái
90	Kéo cắt bao	Chất liệu bằng thép không gỉ; lưỡi cong, đầu mũi nhọn; Chiều dài lưỡi 8mm; Chiều dài tổng thể 85mm. Xuất xứ các nước G7.	12	Cái

91	Nhíp giác mạc	Chất liệu bằng thép không gỉ; bề mặt buộc chỉ rộng 6mm; cán phẳng; chiều dài tổng thể 110/108mm; 1x2 răng. Xuất xứ các nước G7.	20	Cái
92	Nhíp xé bao thẳng	chất liệu titan; Nhíp xé bao ngầm dài 10.5 cm; cán tròn; ngầm thẳng; đầu tiêu chuẩn; đầu dạng Cystotome; có vạch chia đo. Xuất xứ các nước G7.	12	Cái
93	Kim mang kim	Dùng cho chỉ khâu cỡ 7.0-9.0; ngầm cong mảnh, dài 8mm; Chiều dài tổng thể 135mm; không có khóa. Xuất xứ các nước G7.	20	Cái
94	Sinsky	Đồng dụng cụ hình đồng hồ cát, kích thước 0.20mm; Chiều dài tổng thể 124/121mm; loại thẳng/loại cong. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
95	Phaco Chopper	Chất liệu thép ko gỉ; Chiều dài tổng thể khoảng 128mm.RHD; Tay cầm bên phải. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
96	Ống tưới rửa và hút nhân Simcoe (Kim bơm tưới hút Simcoe)	Chất liệu thép không gỉ, cong, cỡ 23G, cổng 0,3mm; Kèm theo ống và đầu nối; Tổng chiều dài khoảng 30mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
97	Thìa tách giác mạc (Corneal Dissector - Straight/ Curved)	Dùng để tách nhu mô giác mạc; cán đầu/thẳng; thân nghiêng góc 60 độ; chiều dài từ mũi/đầu đến góc gấp là 12,00mm; tay cầm Titan, đầu bằng thép không gỉ; tổng chiều dài 125mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
98	Vành mi	Vành mi dạng dây; Lưỡi vành dạng hờ hoặc kín, chiều rộng 14,00mm-15,00mm; cơ chế tự giữ bằng lực đàn hồi hoặc có vít điều chỉnh lực căng; thép không gỉ, hoặc Titanium; Tổng chiều dài 40-50mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
99	Cán dao mổ	Phù hợp với các loại dao số 10,11,12,15,15C; cán đẹp, có khía nhám chống trượt; tổng chiều dài 125mm, thép không gỉ. Xuất xứ các nước G7.	20	Cái
100	Cây móc lác (tenotomy hook)	Đầu móc phẳng dài 6,00mm; tổng chiều dài 120mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
101	Kẹp kelly	Đầu kẹp có khía nhám ngang, thiết kế cong, hoặc thẳng; mũi kẹp siêu mảnh, chuyên dụng cho phẫu thuật vi phẫu; có nấc khóa tự giữ, tổng chiều dài khoảng 100-140mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
102	Kéo cắt bao Tenon / Kéo cắt cơ Westcott	Lưỡi kéo dài 13,00mm; khoảng cách từ trục quay đến mũi kéo là 15,00mm; tổng chiều dài 115mm. Xuất xứ các nước G7.	10	Cái
103	Ống tưới rửa và hút dịch CV9000R (2)	Bộ ống dây hút rửa nhân cầu dùng trong phẫu thuật phaco (Mã hàng 18603-7511). Loại hấp lại, dùng khoảng 10 lần. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản.	5	Cái
104	Phaco tips Nidek đầu loe (4)	Đầu phaco tip 20G dùng cho máy phẫu thuật phaco (Mã hàng 18252-0235), dùng cho vết mổ 2.8mm. Thẳng, đầu loe, vát 30 độ. Loại hấp lại, dùng khoảng 10 lần. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản.	10	Cái
105	IA tips cong Nidek (1)	Đầu hút rửa I/A cong 20G (Mã hàng 18258-0120). dùng cho máy mổ phaco, vết mổ 2.8mm. Đường kính đầu $\phi 0.3$; Loại hấp lại, dùng khoảng 200 lần hoặc 1 năm. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản.	10	Cái

106	Phaco tips Silicone sleeves Nidek (6)	Nắp chụp đầu mổ phaco s 20G (Mã hàng 18241- M012L), dùng cho vết mổ 2.8mm; Loại hấp lại, dùng khoảng 5 lần. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản.	50	Cái
107	Handpice Phaco Nidek CV9000R(3)	Tay cầm phẫu thuật (Handpiece) cho máy phaco (Mã hàng 18241- 1600), 40 kHz. Loại hấp lại, dùng khoảng 500 lần hoặc 1 năm. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản.	2	Cái
108	Handpice I/A Nidek CV9000R	Tay cầm rửa hút I/A. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Nidek CV-9000R; Nhật Bản	2	Cái
109	Handpice Phaco Legion	Tay cầm phẫu thuật (Handpiece) cho máy phaco Alcon Legion. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Alcon; Mỹ.	2	Cái
110	Tay cầm rửa hút	Tay cầm rửa hút Ultraflow II 8065751795; Tương thích với máy phẫu thuật phaco Infiniti và Centurion. Hãng sản xuất Alcon, Mỹ.	2	Cái
111	Đầu rửa hút intrepid cong 8065751013	Đầu rửa hút intrepid cong. Kích thước lỗ đầu tiếp 0,3mm. Sử dụng tương thích với máy phẫu thuật phaco Alcon Legion; Mỹ.	10	Cái
112	Cassette LEGION Kel MF 45 0.9 8065753166	Cassette sử dụng cho máy phaco Alcon Legion bao gồm: - Hệ thống quản lý thủy dịch (FMS); - Đầu tip U/S; - Dụng cụ giữ/Cle đầu tip; - Cle vận đầu tip I/A; - Bầu kiểm tra; - Sleeve (2 Cái); - Bao phủ vô trùng	480	Cái
113	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự kéo dài, 1 mảnh, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự kéo dài 2) chất liệu: hỗn hợp copolymer, vật liệu ưa nước với bề mặt kỵ nước 3) Màu sắc: lọc ánh sáng tím, lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng: hình đĩa hoặc phiến góc càng $0^\circ \leq n \leq 2^\circ$ bờ vuông mặt sau 360° liên tục 5) Đặc điểm: Hai mặt lồi, cầu sai trung tính, chỉ số khúc xạ 1.46, ABBE ≥ 57 6) Đường kính tổng ≤ 11 mm, đường kính optic ≥ 6.0 mm 7) Dải công suất từ +10.0 D đến +30.0 D 8) Kèm theo dụng cụ đặt kính 9) Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	300	Cái
114	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự kéo dài, 1 mảnh, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự kéo dài tiêu cự trong suốt, 1 mảnh 2) Chất liệu: Acrylic không ngấm nước 3) Màu sắc: trong suốt, lọc tia UV 4) Thiết kế càng: càng hình chữ C có 3 điểm cố định, bờ sau vuông 360° , được xử lý mờ chống chói, góc càng $\leq 0^\circ$ 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 , chỉ số ABBE ≥ 55 , (chỉ số cầu sai SA $\geq -0,27 \mu\text{m}$) 6) Đường kính tổng $13 \text{ mm} \pm 5\%$, đường kính optic $6 \text{ mm} \pm 5\%$ 7) Dải khúc xạ đáp ứng từ + 6 D đến +34 D 8) Lắp sẵn trong injector qua vết mổ $\leq 2.4 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE và FDA 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	500	Cái

115	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, không màu, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh, phi cầu 2) Chất liệu Acrylic kỵ nước (Hydrophobic) 3) Màu sắc: trong suốt, lọc tia (UV), không lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế còng : chữ C 5) Đặc điểm phi cầu, cầu sai (SA) = $-0,15 \mu\text{m} \pm 10\%$, chỉ số khúc xạ 1,548 (Từ 1,52 đến 1,55) 6) Đường kính tổng $\geq 13 \text{ mm}$, đường kính optic $\geq 6.0 \text{ mm}$ 7) Dải công suất từ $+10 \text{ D}$ đến 30.0 D 8) Lắp sẵn trong súng 9) Tiêu chuẩn ISO, CE. 10) Xuất xứ: các nước Đông Nam Á.	900	Cái
116	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, màu vàng, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh, phi cầu 2) Chất liệu Acrylic kỵ nước (Hydrophobic Acrylic) 3) Màu sắc: màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế còng: Còng chữ C 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số cầu sai SA ($-0,15 \mu\text{m} \pm 10\%$), chỉ số khúc xạ (≥ 1.54) 6) Đường kính tổng $\geq 13.0 \text{ mm}$, đường kính optic $\geq 6.0 \text{ mm}$ 7. Dải công suất từ $+10 \text{ D}$ đến $+30.0 \text{ D}$ 8) Lắp sẵn trong súng 9) Tiêu chuẩn ISO, CE. 10) Xuất xứ các nước Đông Nam Á.	900	Cái
117	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 3 mảnh, chất liệu không ngấm nước	1) Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự mềm, 3 mảnh 2) Chất liệu: chất liệu Acrylic không ngấm nước 3) Màu sắc: trong suốt, lọc tia (UV) 4) Đặc điểm còng, còng chữ C, bờ trước tròn, bờ sau vuông 360° , góc còng $\leq 5^\circ$ 5) Đặc điểm: chỉ số khúc xạ ≥ 1.47 , chỉ số ABBE ≥ 55 6) Đường kính tổng $\leq 13.5 \text{ mm}$, đường kính optic $\geq 6.0 \text{ mm}$ 7) Dải khúc xạ -10.0 D đến $+30.0 \text{ D}$ 8) Kèm theo dụng cụ đặt kính kiểu xoay qua vết mổ $\leq 2.8 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE và FDA 10) Xuất xứ các nước G7.	1.050	Cái

118	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, màu vàng, không lắp sẵn, dải độ rộng	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic kỵ nước (Acrylic, Hydrophobic) 3) Màu vàng, lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh, phi cầu 4) Đặc điểm càng, 4 càng cùng chất liệu vùng quang học 5) Chiều dài thủy tinh thể $11\text{ mm} \pm 5\%$ đường kính quang học $6.0\text{ mm} \pm 5\%$ 6) Chỉ số khúc xạ $1.46 \pm 5\%$ 7) Dải công suất đáp ứng từ -10.0 D đến $+35.0\text{ D}$ 8) Cung cấp kèm theo dụng cụ đặt (cartridge và injector) 9) Đưa qua vết mổ $\leq 2.8\text{ mm}$ 10) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc FDA 11) Xuất xứ: EU	2.050	Cái
119	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Thủy tinh thể chất liệu kỵ nước (Acrylic) 3) Màu sắc không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng: chữ C hoặc L bờ vuông góc từ 0° đến 3° 5) Đặc điểm: phi cầu, cầu sai (SA) từ $-0,25\text{ }\mu\text{m}$ đến $0,2\text{ }\mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ ≥ 1.563 , chỉ số ABBE ≤ 39 6) Đường kính thủy tinh thể từ 11.0 mm đến 12.5 mm 7) Đường kính optic từ 5.0 mm đến 6.0 mm 8) Dải khúc xạ từ 0° đến $+40^\circ$ 9) Đường kính vết mổ $\leq 2.2\text{ mm}$ 10) Có dụng cụ đặt đi kèm 11) Tiêu chuẩn ISO, CE 12) Xuất xứ: EU	1.250	Cái
120	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, màu vàng, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu quang học Acrylic không ngấm nước (Hydrophobic), tỷ lệ ngấm nước $< 5\%$ 3) Màu sắc: Nhuộm vàng, lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím (UV) 4) Đặc điểm càng: 2 càng, càng hình chữ C hoặc L cùng với chất liệu vùng quang học 5) Đặc điểm chỉ số cầu sai $-0,2\text{ }\mu\text{m} \leq \text{SA} \leq -0,16\text{ }\mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ ≤ 1.50 6) Chiều dài tổng của thủy tinh thể: $13\text{ mm} \pm 5\%$, đường kính optic $6.0\text{ mm} \pm 5\%$ 7) Dải công suất đáp ứng từ $+0\text{ D}$ đến $+34.0\text{ D}$ 8) Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong injector, đưa qua được vết mổ $\leq 2.6\text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc FDA 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	750	Cái

121	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, không màu, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (Hydrophobic), tỷ lệ ngấm nước < 0,5% 3) Màu sắc: Trong suốt, lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng: 2 càng, càng hình chữ C hoặc L cùng với chất liệu vùng quang học 5) Đặc điểm: chỉ số cầu sai $-0,21 \mu\text{m} \leq SA \leq -0,16 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ ≤ 1.50 6) Chiều dài tổng $13 \text{ mm} \pm 5\%$, đường kính optic $6.0 \text{ mm} \pm 5\%$ 7) Dải công suất đáp ứng từ 0 D đến + 34.0 D 8) Thủy tinh thể lắp sẵn trong injector, qua vết mổ $\leq 2.6 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA 10) Xuất xứ các nước G7.	750	Cái
122	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, không màu, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Acrylic không ngấm nước bề mặt có phủ lớp kháng viêm 3) Màu sắc: lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng: 2 càng loại chữ C cùng với chất liệu vùng quang học, bờ vuông 360° , góc càng 0° 5) Đặc điểm: phi cầu, hiệu chỉnh cầu sai $-0,16 \mu\text{m} \leq SA \leq -0,20 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ ≤ 1.49 , chỉ số ABBE ≥ 51 6) Tổng chiều dài thủy tinh thể $13 \text{ mm} \pm 5\%$, optic $60 \text{ mm} \pm 5\%$ 7) Dải khúc xạ đáp ứng từ 0 đến + 34.0 D 8) Thủy tinh thể lắp sẵn hoàn toàn trong injector đưa qua vết mổ $\leq 2.6 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái
123	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu không ngấm nước, màu vàng, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Acrylic, Hydrophobic 3) Màu sắc: màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế càng: 2 càng kép, hình chữ C, bờ Vuông 360° 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số khúc xạ ≥ 1.47 , hằng số A ≥ 118.9 6) Đường kính tổng $\leq 13.0 \text{ mm}$, chiều dài optic $\leq 6.5 \text{ mm}$ 7) Dải công suất đáp ứng từ +0.0 D đến +35.0 D 8) Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và injector đưa qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 10) Đạt tiêu chuẩn ISO 11) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái

124	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, màu vàng, không lắp sẵn, dải độ rộng	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Thủy tinh thể có chất liệu Acrylic ngâm nước (Hydrophilic) $\geq 26\%$ 3) Màu vàng, lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh, thiết kế cầu 4) Đặc điểm còng: 2 còng cùng với chất liệu vùng quang học 5) Chiều dài của thủy tinh thể $13 \text{ mm} \pm 5\%$, đường kính vùng quang học $6.0 \text{ mm} \pm 5\%$ 6) Dải công suất: đáp ứng từ - 20.0 D đến + 35 D 7) Cung cấp công cụ đặt (cartridge và injector) 8) Đưa qua vết mổ kích thước $\leq 2.8 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc FDA 10) Xuất xứ các nước G7.	2.050	Cái
125	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, màu vàng, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Chất liệu: Copolymer ngâm nước $\geq 26\%$ 3) Màu sắc: màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế còng hình chữ C hoặc L, góc còng từ 0° đến 2° 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số cầu sai (SA) ≥ 0 , chỉ số khúc xạ 1,46 đến 1,48, chỉ số ABBE ≥ 56 6) Đường kính tổng từ 11 mm đến 12,5 mm, đường kính optic từ 5.5 mm đến 6 mm 7) Dải công suất từ - 10 D đến + 50 D 8) Có Cartridge và dụng cụ đặt đi kèm đưa qua vết mổ $\leq 2.4 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	1.250	Cái
126	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, màu vàng, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Chất liệu: hợp chất Copolymer Acrylic, vật liệu ưa nước với bề mặt kỵ nước 3) Màu sắc: lọc ánh sáng tím, lọc tia (UV) 4) Thiết kế còng: hình đĩa hoặc phiến, góc còng $0^\circ \leq n \leq 2^\circ$ bờ vuông mặt sau 360° liên tục 5) Đặc điểm: phi cầu, cầu sai trung tính, chỉ số khúc xạ từ 1.46 đến 1.49, chỉ số ABBE ≥ 58 6) Đường kính tổng: $\leq 11 \text{ mm}$, đường kính optic $\leq 6.0 \text{ mm}$ 7) Dải công suất 0 D đến + 35.0 D 8) Kèm dụng cụ đặt kính 9) Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	1.250	Cái

127	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, màu vàng, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Chất liệu Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$, không có hiện tượng glistening 3) Màu sắc: màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế còng: dạng 4 còng hay dạng phiến, bờ vuông, góc còng từ 5° đến 7° 5) Đặc điểm: phi cầu, cầu sai (SA) từ $-0,17 \mu\text{m}$ đến $-0,15 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ từ 1.46 đến 1.48, $\text{ABBE} \leq 48.0$ 6) Đường kính tổng thủy tinh thể từ 11.0 mm đến 12.0 mm Đường kính optic từ 5.0 mm đến 6.0 mm 7) Dải công suất từ - 20 D đến +58 D 8) Lắp sẵn trong Cartridge sử dụng 1 lần, qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	1.500	Cái
128	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, màu vàng, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$ 3) Màu sắc: màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh 4) Thiết kế còng: còng dạng phiến hoặc 4 điểm cố định, bờ góc cong từ 0° đến 3° 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số SA từ - 0,1 μm đến 0 μm , chỉ số khúc xạ từ 1.45 đến 1.50, $\text{ABBE} \geq 57$ 6) Chiều dài tổng: $\leq 11 \text{ mm}$, chiều dài optic ≤ 6.0 7) Dải công suất đáp ứng từ - 10 D đến + 40 D 8) Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính 9) Đạt tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	900	Cái
129	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Acrylic hỗn hợp giữa Hydrophobic và Hydrophilic, ngâm nước $\geq 25\%$ với bề mặt kỵ nước 3) Màu sắc: lọc tia cực tím 4) Thiết kế còng: thiết kế 4 còng bờ vuông 360° , góc còng $\geq 5^\circ$ 5) Đặc điểm: không phi cầu, chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 , chỉ số cầu sai $\leq -0,26 \text{ mm}$ 6) Đường kính tổng $\geq 11.0 \text{ mm}$, đường kính optic $\leq 6 \text{ mm}$ 7) Dải công suất kính từ - 10.0 D đến + 40.0 D 8) Lắp sẵn trong dụng cụ đặt qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn ISO 10) Xuất xứ: G7 hoặc EU	300	Cái

130	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Thủy tinh thể nhân tạo có chất liệu Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$ 3) Màu sắc: không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng; 4 càng hoặc dạng phiến, bờ vuông hoàn toàn 360° , góc càng từ 5° đến 7° 5) Đặc điểm phi cầu sai (SA) từ $-0,17 \mu\text{m}$ đến $-0,15 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ từ 1.46 đến 1.48, $\text{ABBE} \geq 58.4$ 6) Đường kính tổng thủy tinh thể từ 11 mm đến 12.0 mm, đường kính optic từ 5.0 mm đến 6.0 mm 7) Dải công suất kính phải có từ -10.0 D đến $+40.0 \text{ D}$ 8) Đường kính vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Có Cartridge và dụng cụ đặt đi kèm 10) Tiêu chuẩn ISO, CE 11) Xuất xứ: EU	2.150	Cái
131	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh 2) Chất liệu Copolymer ngâm nước $\geq 26\%$ 3) Màu sắc: không màu, lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế càng chữ C hoặc L, góc càng từ 0° đến 2° 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số cầu sai (SA) ≥ 0 , chỉ số khúc xạ $n = 1.45$ đến 1.48, chỉ số $\text{ABBE} \geq 56$ 6) Đường kính tổng từ 11 mm đến 12.5 mm, đường kính optic từ 5.5 mm đến 6.0 mm 7) Dải công suất từ -10 D đến $+50 \text{ D}$ 8) Có Cartridge và dụng cụ đặt đi kèm, qua vết mổ có kính thước $\leq 2.4 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	1.250	Cái
132	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Hydrophilic/Hydrophobic Copolymer ngâm nước $\geq 25\%$ 3) Màu sắc: lọc tia (UV) 4) Đặc điểm càng: thiết kế hình đĩa 4 càng, góc càng $\geq 5^\circ$, bờ vuông 2 lần hoặc bờ vuông 360° 5) Đặc điểm: cầu sai từ $-0,16 \mu\text{m}$ đến $-0,14 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ từ 1.45 đến 1.47, chỉ số $\text{ABBE} \geq 46$ 6) Đường kính tổng $< 11 \text{ mm}$, đường kính optic $< 6,5 \text{ mm}$ 7) Dải số khúc xạ đáp ứng từ -3.0 D đến $+40.0 \text{ D}$ 8) Cartridge và dụng cụ đặt đi kèm, thực hiện qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái

133	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Hydrophilic/Hydrophobic Copolymer ngâm nước $\geq 25\%$ 3) Màu sắc: lọc tia UV 4) Đặc điểm còng: thiết kế còng hình đĩa 4 còng, góc còng $\geq 5^\circ$, thiết kế bờ vuông 2 lần hoặc bờ vuông 360° 5) Đặc điểm: cầu sai SA từ $-0,16 \mu\text{m}$ đến $-0,14 \mu\text{m}$, chỉ số khúc xạ từ 1.45 đến 1.47, chỉ số ABBE ≥ 46 6) Đường kính tổng $\leq 11 \text{ mm}$, đường kính optic $\leq 6 \text{ mm}$ 7) Dải khúc xạ đáp ứng từ -10.0 D đến $+30.0 \text{ D}$ 8) Cartridge và dụng cụ đặt kính đính kèm, thực hiện qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái
134	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 2) Chất liệu: Hydrophilic ngâm nước $\geq 25\%$ 3) Màu sắc: không màu, lọc tia cực tím 4) Thiết kế còng: 4 còng, góc còng $\geq 5^\circ$ 5) Đặc điểm: phi cầu, chỉ số khúc xạ ≥ 1.46 , chỉ số cầu sai SA = $+0,1 \mu\text{m}$ 6) Dải công suất đáp ứng từ -15.0 D đến $+74.0 \text{ D}$ 7) Chiều dài tổng $\geq 11.0 \text{ mm}$, optic $\leq 6.0 \text{ mm}$ 8) Thủy tinh thể nhân tạo có cung cấp dụng cụ đặt đi kèm qua vết mổ $\leq 2.6 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn ISO, CE 10) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái
135	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, chất liệu ngâm nước, không màu, không lắp sẵn	1) Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2) Chất liệu Acrylic hỗn hợp giữa Hydrophobic và Hydrophilic, ngâm nước $\geq 25\%$ 3) Màu sắc: lọc tia cực tím (UV) 4) Thiết kế còng: thiết kế 4 còng bờ vuông 360° , góc còng $\geq 5^\circ$ 5) Đặc điểm: 1 mảnh, không phi cầu, chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 6) Đường kính tổng $\leq 12.5 \text{ mm}$, đường kính optic $\leq 6 \text{ mm}$ 7) Dải công suất kính từ -3.0 D đến $+30.0 \text{ D}$ 8) Có dụng cụ đặt kính đi kèm đưa qua vết mổ $\leq 2.2 \text{ mm}$ 9) Đạt tiêu chuẩn ISO 10) Xuất xứ các nước G7.	500	Cái

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt - Da Liễu, số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Hòa Thành, Tỉnh Cà Mau.

3. Thời gian thanh toán dự kiến: Tối đa 90 ngày; kể từ ngày nhà thầu lắp đặt, bàn giao, nghiệm thu hàng hoá và cung cấp đầy đủ các chứng từ theo quy định.

4. Các thông tin khác:

- Đơn vị cung cấp báo giá có đầy đủ thông tin của hàng hóa; cung cấp các căn cứ xác định giá, kết quả trúng thầu trong thời hạn 12 tháng (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan.

- Đơn giá được tính bằng VNĐ, đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định

hiện hành, chi phí vận chuyển, giao nhận, lắp đặt, bảo hành...

- Hình thức báo giá:

+ 02 bản giấy được người đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu; có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đơn vị vận chuyển.

+ File pdf và file excel gửi qua email/zalo của người phụ trách tiếp nhận hoặc gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Bệnh viện Mắt - Da Liễu trân trọng thông báo /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KHTH (đăng website);
- Lưu: VT, K.Dược, HSMS.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trung Lâm